



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 1**
- Mã học phần: CHI333
- Số tín chỉ: 3(3/0/6) tín chỉ
- Cấp đào tạo: đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ
- Số giờ tín chỉ: 3 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 3 45 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
 - Thực hành: 0(1 tín chỉ TH = 15 tiết)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Ngọc Anh Thu
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Ngoại Ngữ- Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0901453502
- Email: Thulna@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Tấn Trường An
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Ngoại Ngữ- Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0901453501
- Email: Anntt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 1 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Học phần này cung cấp cho sinh viên từ vựng, văn phạm của tiếng Trung ở trình độ sơ cấp, củng cố kiến thức về ngữ âm, cách viết chữ

Hán theo quy tắc viết nét bút thuận, học các chủ đề giao tiếp cơ bản. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm chuẩn, viết thuần thục chữ Hán, phân tích chính xác các điểm ngữ pháp sơ cấp, giao tiếp lưu loát các chủ đề đã học, triển khai các kiến thức đã học vào thực tế.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về từ vựng, văn phạm của tiếng Trung ở trình độ sơ cấp
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kiến thức về ngữ âm, cách viết chữ Hán theo quy tắc viết nét bút thuận, học các chủ đề giao tiếp cơ bản
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về phân tích chính xác các điểm ngữ pháp sơ cấp, giao tiếp lưu loát các chủ đề đã học, triển khai các kiến thức đã học vào thực tế.
- Trang bị kiến thức về kỹ năng phát âm chuẩn, viết thuần thục chữ Hán, phân tích chính xác các điểm ngữ pháp sơ cấp, giao tiếp lưu loát các chủ đề đã học, triển khai các kiến thức đã học vào thực tế.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	
CLO 1	Biết được cách phát âm chuẩn xác các thanh mẫu vận mẫu, các thanh điệu.
CLO 2	Áp dụng kiến thức ngữ âm đã học để đọc bất kỳ một phiên âm chữ Hán
CLO 3	Hiểu vận dụng và phân tích từ vựng, ngữ pháp ở trình độ sơ cấp, giao tiếp lưu loát 15 chủ đề giao tiếp cơ bản, tổng hợp các kiến thức đã học.
CLO 4	Thực hiện các kỹ năng ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp, thảo luận vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để giải thích các hiện tượng ngôn ngữ liên quan
Kỹ năng	
CLO 5	Sử dụng kỹ năng tin học văn phòng để tra cứu từ điển, tìm hiểu kiến thức liên quan đến ngữ pháp, nội dung của bài học.
CLO 6	Sử dụng các phần mềm học tiếng học tiếng Trung Quốc để tăng hiệu quả học tập.
CLO 7	Tự lên kế hoạch học tập độc lập khi học học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1.
CLO 8	Tự lên kế hoạch tham gia học nhóm, để hỗ trợ cho nhau trong quá trình

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	chuẩn bị bài và ôn bài
CLO 9	Vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức về kinh tế thương mại để tiếp tục phát triển chuyên môn của bản thân đối với lĩnh vực nghiên cứu và nghề nghiệp liên quan.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO 10	- Tuân thủ các yêu cầu về sự trung thực, khách quan trong học tập, đánh giá được kết quả học tập của mình..
CLO 11	Tự định hướng phương pháp học tập nâng cao hiệu quả học tập
CLO 12	Hình thành ý tưởng chủ động đặt vấn đề liên quan đến môn học, tìm hiểu sâu và nâng cao các kiến thức trong học Tiếng Trung tổng hợp 1.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra Bài trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	X											
CLO2		X										
CLO3		X										
CLO4			X									
CLO5				X								
CLO6				X								
CLO7					X							
CLO8						X		X				
CLO9							X		X			
CLO10										X		
CLO11										X	X	
CLO12												X

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Bài	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Bài 1	Bài 1: 你好 -词语表与注释	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO

Bài	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	-语言点: 1.“是”字句; 2.用“吗”的疑问句 -课堂练习	6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12
Bài 2	Bài 2: 你是哪儿国人? -词语表与注释 -语言点: 们; 也; 呢 (1) -课堂练习	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12
Bài 3	Bài 3: 那是你的书吗? -词语表与注释 -语言点: 这/那; 特殊疑问句; 定语 -课堂练习	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12
Bài 4	Bài 4: 图书馆在哪儿? -词语表与注释 -语言点: 在/ 是; 哪儿; 方位名字 (1) -课堂练习	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12
Bài 5	Bài 5: 在北京大学的东边 -词语表与注释 -语言点: 单元语言的小结 -课堂练习	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12
Bài 6	Bài 6: 现在几点? -词语表与注释 -语言点: 钟点表达法; 数字表达法 -课堂练习	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12
Bài 7	Bài 7: 明天你有课吗? -词语表与注释 -语言点: “有”字句; 吧 (1); 方位名词 (2); 时间名词作状语 -课堂练习	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12
Bài 8	Bài 8: 你的电话号码是多少? -词语表与注释 -语言点: 吧 (2); 呢 (2); 号码表达法; “几”和“多少” (1) -课堂练习	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12
Bài 9	Bài 9: 多少钱一瓶? -词语表与注释	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO

Bài	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	-语言点: “几”和“多少”(2); “二”和“两”;量词;钱数表达法 -课堂练习	6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12
Bài 10	Bài 10:你家人有几口人? (sinh viên tự nghiên cứu) -词语表与注释 -语言点: 单元语言的小结	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	
	- Người học vận dụng các kiến thức vừa học vào bài tập của mỗi bài	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12
6.2.2.	Bài tập nhóm	
	- Người học vận dụng các kiến thức vừa học vào bài tập của mỗi bài - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.	CLO 1;CLO 2;CLO 3;CLO 4;CLO 5;CLO 6;CLO 7;CLO 8 ; CLO 9; CLO 10; CLO 11; CLO 12

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Bài	Tên Bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Bài 1: 你好	5			10		
2	Bài 2: 你是哪儿国人?	5			10		
3	Bài 3: 那是你的书吗?	5			10		
4	Bài 4: 图书馆在哪儿?	5			10		

Bài	Tên Bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
5	Bài 5: 在北京大学的东边	5			10		
6	Bài 6: 现在几点?	5			10		
7	Bài 7: 明天你有课吗?	5			10		
8	Bài 8: 你的电话号码是多少?	5			10		
9	Bài 9: 多少钱一瓶?	5			10		
10	Bài 10: 你家有几口人? (sinh viên tự nghiên cứu)						
Tổng		45			90		

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

Giáo viên có thể linh hoạt theo nội dung bài học

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
- Giao bài đọc về nhà
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Phát vấn	X	X								X		

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Hỏi lại hoặc vấn đáp	X									X		
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu			X							X		
Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)				X						X	X	
Giao bài đọc về nhà					X	X	X	X	X	X	X	X
Hướng dẫn tự học					X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Làm việc nhóm	X	X								X		
Tự học, tự nghiên cứu	X									X		

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- Điểm chuyên cần: 10, trọng số 10%
- Điểm kiểm tra thường xuyên: 10, trọng số 10%
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20, trọng số 20%

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: trắc nghiệm khách quan

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần

13.1. Tài liệu chính

[1]李晓琪主编, (2013), BOYA CHINESE 博雅汉语, 初级起步篇 I (第二版), 北京大学出版社, 北京。

13.2. Tài liệu tham khảo

[2] 杨寄洲, (2007), 一年级教材, 汉语教程 (第一册) (上) (修订本), 北京语言大学出版社。

[3]黄证澄主编, (1998) 标准汉语教程, 上册(一), 北京大学出版社。

[4]柳燕梅, (2007) 汉字速成汉语, 北京语言大学出版社。

[5] 康玉华、来思平主编, (2005), 《汉语会话 301 句 (课本 1)》, 北京语言大学出版社, 北京。

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2022



PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

VHU.CTDT.BM03

Trưởng Khoa/Bộ môn

NGUYỄN TÂN TRƯỜNG AN

Giảng viên biên soạn

Lê Ngọc Anh Thư